

# Thực trạng quản lý hoạt động tư vấn học đường cho sinh viên tại Trường Đại học Cần Thơ

Lê Nguyễn Hải Đăng\*, Nguyễn Thị Bích Phượng\*\*

\*HVCH ngành Quản lý Giáo dục Khoa 29, Trường Đại học Cần Thơ

\*\*TS. Trường Đại học Cần Thơ

Received: 15/6/2024; Accepted: 22/7/2024; Published: 29/7/2024

**Abstract:** Management of school counseling activities is shown in planning, management, implementation, direction, inspection and evaluation. The study used the method of collecting information using questionnaires and interviews with managers, lecturers, academic advisors and students at Can Tho University. The results show that it is necessary to pay more attention to the management of school counseling activities for students, especially the inspection and evaluation of these activities to improve the effectiveness of management activities.

**Keywords:** Management, School counseling activities, School counseling, universities, students.

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay, việc hỗ trợ SV không chỉ dừng lại ở việc cung cấp kiến thức mà còn cần các dịch vụ TVHĐ để giúp họ vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống. Nhu cầu được tư vấn hỗ trợ ngày càng cấp thiết do áp lực học tập, những vấn đề tâm lý, tài chính. Tuy nhiên, quản lý hoạt động (QLHĐ) TVHĐ còn nhiều hạn chế: thiếu nguồn lực, thiếu cơ sở vật chất, chính sách chưa thống nhất. Nhận thức của cán bộ quản lý (CBQL), giảng viên (GV), SV về TVHĐ cũng còn khá hạn chế dẫn đến SV ít tìm đến sự hỗ trợ. Trước thực tế trên, cần có nghiên cứu đi sâu vào thực trạng và đưa ra các giải pháp nhằm QLHĐ TVHĐ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và hỗ trợ SV một cách hiệu quả hơn.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng bảng hỏi và khảo sát 75 CBQL, GV, cố vấn học tập (CVHT) và 430 SV, phiếu hỏi phát trực tiếp và biểu mẫu google form. Dựa vào thang đo Likert với giá trị khoảng được tính bằng  $(\text{Maximum} - \text{Minimum})/n = (5-1)/5 = 0,8$ . Số liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS dùng bản miễn phí. Tính toán tần suất, điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) và mối tương quan (Pearson) giữa mức độ thực hiện nội dung và mức độ hiệu quả QLHĐ TVHĐ.

Nội dung QLHĐ TVHĐ được tính toán theo 5 mức độ: Mức 1=Không thực hiện/Hoàn toàn không hiệu quả (ĐTB = 1,00-1,80); Mức 2=Hiếm khi/Kém hiệu quả (ĐTB = 1,81-2,60); Mức 3=Thỉnh thoảng/Bình thường (ĐTB = 2,61 - 3,40); Mức 4= Thường

xuyên/Hiệu quả (ĐTB = 3,41- 4,20); Mức 5= Rất thường xuyên/Rất hiệu quả (ĐTB = 4,21 - 5,00).

### 2.2. Kết quả nghiên cứu thực trạng mức độ thực hiện QLHĐ TVHĐ cho SV tại Trường Đại học Cần Thơ

#### 2.2.1 Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động TVHĐ cho SV

Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động TVHĐ cho SV tại Trường Đại học Cần Thơ qua khảo sát bằng bảng hỏi đánh giá mức độ thực hiện. Kết quả thu được ở bảng 2.1.

Bảng 2.1. Đánh giá của CBQL, GV, CVHT và SV về mức độ thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động TVHĐ

Kiểm tra, đánh giá hoạt động TVHĐ	Mức độ thực hiện				Mức độ hiệu quả			
	CBQL, GV, CVHT	SV	TC	Bậc	CBQL, GV, CVHT	SV	TC	Bậc
1. Kiểm tra, đánh giá theo năm học	3,63	3,6	3,62	2	3,67	3,63	3,65	2
2. Kiểm tra, đánh giá theo học kỳ	3,05	3,62	3,34	3	3,16	3,57	3,37	3
3. Kiểm tra, đánh giá sự phối hợp tổ chức giữa các đơn vị, đoàn thể trong và ngoài trường	3,68	3,68	3,68	1	3,8	3,70	3,75	1
4. Kiểm tra qua việc theo dõi sự tiến triển của SV thông qua hệ thống (về điểm học tập và rèn luyện của SV)	3,04	3,50	3,27	4	3,11	3,51	3,31	4
Tổng chung bình chung	3,35	3,6			3,44	3,60		

Mức độ thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động TVHĐ tại Trường Đại học Cần Thơ được SV đánh

giá ở mức «thường xuyên» với điểm trung bình (ĐTB) là 3,6, trong khi CBQL, GV và CVHT đánh giá ở mức «thỉnh thoảng» với ĐTB là 3,35. Tiêu chí “kiểm tra, đánh giá sự phối hợp tổ chức giữa các đơn vị, đoàn thể trong và ngoài trường” được SV đánh giá cao nhất với ĐTB 3,68, trong khi tiêu chí “kiểm tra qua việc theo dõi sự tiến triển của SV” có ĐTB thấp nhất là 3,27. Về mức độ hiệu quả, SV đánh giá hoạt động TVHĐ ở mức “hiệu quả” với ĐTB 3,60, cao hơn so với đánh giá của CBQL, GV và CVHT ở mức “bình thường” đến “hiệu quả” với ĐTB 3,44. Tiêu chí “kiểm tra, đánh giá sự phối hợp tổ chức giữa các đơn vị, đoàn thể trong và ngoài trường” cũng được đánh giá cao nhất về hiệu quả với ĐTB 3,75, trong khi tiêu chí “kiểm tra qua việc theo dõi sự tiến triển của SV” có ĐTB thấp nhất là 3,31. Kết quả phân tích cho thấy tầm quan trọng của sự phối hợp và hợp tác trong hoạt động tư vấn, đồng thời nhấn mạnh việc kiểm tra theo năm học mang lại hiệu quả tích cực. Tuy nhiên, cần cải thiện hệ thống theo dõi và quản lý thông tin SV để tăng cường hiệu quả của hoạt động kiểm tra, đánh giá.

### 2.2.2. Thực trạng QLHĐ TVHĐ cho SV

Để tìm hiểu thực trạng QLHĐ TVHĐ cho SV tại Trường Đại học Cần Thơ qua khảo sát bằng bảng hỏi đánh giá mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả. Kết quả thu được ở bảng 2.2.

*Bảng 2.2. Đánh giá của CBQL, GV, CVHT về mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả QLHĐ TVHĐ*

QLHĐ TVHĐ	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả		
	ĐTB	ĐLC	Bậc	ĐTB	ĐLC	Bậc
<i>Lập kế hoạch QLHĐ TVHĐ</i>	3,62	0,78		3,59	0,784	
1. Phân tích được thực trạng QLHĐ TVHĐ cho SV nhà trường	3,51	0,742	9	3,55	0,759	6
2. Đánh giá thực trạng khó khăn tâm lý của SV	3,48	0,76	10	3,48	0,742	10
3. Xác định được mục tiêu QLHĐ TVHĐ	3,69	0,788	3	3,69	0,771	2
4. Xác định nội dung QLHĐ TVHĐ	3,67	0,827	4	3,63	0,818	5
5. Xác định được lực lượng phụ trách công tác TVHĐ	3,75	0,807	1	3,64	0,816	4
6. Xác định được nguồn lực về cơ sở vật chất, tài chính	3,6	0,822	6	3,53	0,827	7
7. Xác định được phương pháp kiểm tra QLHĐ TVHĐ	3,56	0,775	8	3,49	0,778	9
8. Kế hoạch tuyên truyền, bồi dưỡng, tập huấn	3,72	0,727	2	3,73	0,759	1
9. Kế hoạch phối hợp với các lực lượng trong giáo dục	3,64	0,782	5	3,65	0,797	3
10. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá	3,59	0,773	7	3,52	0,777	8
<i>Tổ chức thực hiện QLHĐ TVHĐ</i>	3,67	0,801		3,65	0,758	

1. Xác định và thành lập các tổ tư vấn thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm	3,76	0,732	3	3,77	0,649	1
2. Huy động chuyên viên, GV, CVHT, CBQL nhà trường cùng tham gia	3,83	0,742	1	3,75	0,699	4
3. Tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động TVHĐ cho SV định kỳ	3,73	0,777	4	3,76	0,732	3
4. Phân công chuyên viên thực hiện nhiệm vụ hoạt động TVHĐ	3,81	0,766	2	3,77	0,689	1
5. Huy động tối đa các phòng ban, khoa cùng tham gia vào hoạt động TVHĐ	3,47	0,89	9	3,45	0,843	9
6. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực TVHĐ cho GV	3,51	0,95	8	3,55	0,905	8
7. Tổ chức tìm hiểu những khó khăn và nhu cầu được tư vấn của SV	3,59	0,807	7	3,57	0,808	7
8. Tổ chức tư vấn, hướng dẫn, giới thiệu, hỗ trợ kịp thời	3,72	0,727	5	3,64	0,765	5
9. Tổ chức tư vấn, hướng dẫn, giới thiệu, hỗ trợ kịp thời	3,64	0,816	6	3,63	0,731	6
<i>Chỉ đạo thực hiện QLHĐ TVHĐ</i>	3,61	0,851		3,57	0,805	
1. Chỉ đạo ra quyết định triển khai thực hiện hoạt động TVHĐ cho SV	3,68	0,825	3	3,65	0,78	2
2. Chỉ đạo động viên, khuyến khích, hướng đường dẫn GV thực hiện hoạt động TVHĐ	3,64	0,88	4	3,55	0,793	4
3. Chỉ đạo tổ chức các nội dung, hình thức đa dạng hoạt động, phương pháp phù hợp, linh hoạt, đa dạng	3,75	0,84	1	3,72	0,798	1
4. Chỉ đạo bố trí thời gian hợp lý với từng nội dung thực hiện và sử dụng thiết bị, phương tiện, cơ sở vật chất	3,69	0,805	2	3,63	0,785	3
5. Chỉ đạo phối hợp với các lực lượng giáo dục, tổ chức xã hội, chuyên gia tư vấn	3,59	0,84	5	3,53	0,794	5
6. Chỉ đạo tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực TVHĐ cho GV	3,44	0,889	7	3,49	0,844	6
7. Chỉ đạo công tác xử lý kết quả, bảo lưu hồ sơ	3,47	0,875	6	3,45	0,843	7
<i>Kiểm tra, đánh giá QLHĐ TVHĐ</i>	3,62	0,79		3,41	0,91	
1. Kiểm tra, đánh giá xác định và xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	3,49	0,86	2	3,39	0,914	5
2. Kiểm tra, đánh giá từng nội dung đã thực hiện, tiến độ thực hiện	3,52	0,86	4	3,44	0,933	1
3. Kiểm tra, đánh giá việc tổ chức hoạt động TVHĐ	3,57	0,841	1	3,4	0,885	4
4. Kiểm tra, đánh giá việc sử dụng các nguồn lực	3,48	0,844	3	3,41	0,856	2
5. Phát hiện sai sót và sửa chữa linh hoạt, kịp thời. Báo cáo, rút kinh nghiệm	3,4	0,9	5	3,41	0,96	2
<b>Tổng chung bình chung</b>	<b>3,63</b>	<b>0,806</b>		<b>3,56</b>	<b>0,814</b>	

Kết quả trình bày tại bảng 2.2 cho thấy việc QLHĐ TVHĐ tại Trường Đại học Cần Thơ được đánh giá

ở mức thường xuyên (ĐTB=3,63; ĐLC=0,806) và hiệu quả (ĐTB=3,56; ĐLC=0,814). Các công tác như “tổ chức thực hiện quản lý” (ĐTB=3,67), “lập kế hoạch quản lý” (ĐTB=3,62), “kiểm tra, đánh giá quản lý” (ĐTB=3,62), và “chỉ đạo thực hiện quản lý” (ĐTB=3,61) đều được đánh giá ở mức thường xuyên. Tuy nhiên, công tác kiểm tra, đánh giá chưa được đánh giá cao về hiệu quả.

Về mặt lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và chỉ đạo thực hiện, phần lớn CBQL, GV và CVHT đánh giá thường xuyên và hiệu quả. Đặc biệt, công tác “xác định và thành lập các tổ tư vấn” và “phân công chuyên viên thực hiện nhiệm vụ” được đánh giá cao nhất (ĐTB=3,77). Trong khi đó, “huy động tối đa các phòng ban, khoa cùng tham gia” có ĐTB thấp nhất (3,45). Điều này cho thấy cần tăng cường huy động các nguồn lực và tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực tư vấn cho GV.

Về chức năng kiểm tra, đánh giá QLHĐ TVHĐ, mức độ thường xuyên được đánh giá là 3,62 (ĐLC=0,79). Tuy nhiên, hiệu quả thực hiện chưa cao, với các nội dung như “phát hiện sai sót và sửa chữa linh hoạt” chỉ đạt mức “bình thường”. Các tiêu chí như “kiểm tra, đánh giá xác định và xây dựng tiêu chuẩn” và “kiểm tra, đánh giá tổ chức hoạt động tư vấn” có ĐTB lần lượt là 3,39 và 3,4.

Tóm lại, vấn đề kiểm tra, đánh giá QLHĐ TVHĐ cho SV tại Trường Đại học Cần Thơ còn nhiều hạn chế và hiệu quả chưa cao. CBQL cần chú trọng hơn vào việc phát hiện và sửa chữa sai sót kịp thời, cũng như nâng cao năng lực quản lý và xác định các tiêu chí đánh giá rõ ràng. Điều này sẽ giúp cải thiện chất lượng hoạt động TVHĐ, đảm bảo hỗ trợ tốt hơn cho SV.

### 2.3. Đánh giá chung về thực trạng

Thực trạng QLHĐ TVHĐ cho SV tại Trường Đại học Cần Thơ được trình bày khái quát qua bảng 2.1. Đa số CBQL và GV đánh giá QLHĐ TVHĐ được thực hiện ở mức thường xuyên. Điểm trung bình chênh lệch giữa các nội dung thực hiện các khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra đánh giá hoạt động TVHĐ cho SV tại Trường Đại học Cần Thơ dao động từ 0,01 đến 0,06. Điều này cho thấy sự đồng đều trong việc thực hiện các khâu quản lý, tuy nhiên vẫn cần có sự quan tâm đặc biệt đến việc chỉ đạo quản lý để có cơ sở điều chỉnh và cải tiến chất lượng.

Xét về tính hiệu quả của QLHĐ TVHĐ, nội dung kiểm tra, đánh giá cần được quan tâm nhiều hơn. QLHĐ TVHĐ đóng vai trò quan trọng trong hệ thống quản lý của nhà trường. Hoạt động TVHĐ hiệu quả sẽ tạo ra môi trường học tập thân thiện và

hiện đại, phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và giúp SV phát triển toàn diện. Tuy nhiên, việc đánh giá hiệu quả QLHĐ này vẫn chưa đạt được mức độ kỳ vọng. Để hiểu rõ hơn về nguyên nhân và cải thiện tình hình, cần có thêm những nghiên cứu sâu hơn để cung cấp thông tin đầy đủ về vấn đề này. Những nghiên cứu này sẽ giúp xác định các yếu tố cản trở và đề xuất các biện pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả QLHĐ TVHĐ, từ đó đảm bảo rằng SV nhận được sự hỗ trợ tốt nhất trong quá trình học tập và phát triển bản thân.

### 3. Kết luận

Như vậy có thể thấy rằng CBQL và GV đều đánh giá việc QLHĐ TVHĐ cho SV tại Trường Đại học Cần Thơ được thực hiện thường xuyên và hiệu quả. Đặc biệt, hoạt động phân công chuyên viên thực hiện nhiệm vụ TVHĐ được đánh giá cao nhất về cả mức độ thực hiện và hiệu quả. Trong các chức năng quản lý, khâu chỉ đạo thực hiện được đánh giá thấp hơn so với các khâu khác. Tuy nhiên, xét về tính hiệu quả, khâu tổ chức thực hiện lại được đánh giá cao hơn các khâu khác. Đáng chú ý, khâu kiểm tra và đánh giá được CBQL và GV đánh giá thấp nhất. Nhà trường cần tiếp tục quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra đánh giá QLHĐ TVHĐ nhằm cải tiến chất lượng quản lý.

### Tài liệu tham khảo

1. Huỳnh Văn Sơn. (2019). *Thực trạng công tác phát triển đội ngũ làm công tác tham vấn học đường ở khu vực phía Nam*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, Số 16 tháng 04/2019, trang 85-90.
2. Nguyễn Thị Bích Phượng, Trần Lương (2021). *Thực trạng nhu cầu về hình thức TVHĐ cho SV tại trường Đại học Cần Thơ*. Tạp chí Giáo dục, 05/2021, trang 138-143.
3. Nguyễn Thị Bích Phượng, Trần Lương. (2022). *Nhu cầu của SV Trường Đại học Cần Thơ về người trợ giúp tâm lý*. Tạp chí Thiết bị giáo dục, 18/2022, trang 139-142.
4. Thủ tướng Chính phủ. (2019). *Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, SV*.
5. Trần Anh Tuấn. (2016). *Mô hình đào tạo thạc sĩ TVHĐ ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Giáo dục, tập 32, số 2/2016, trang 83-85.
6. Trần Kiêm (2015). *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.